TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-6-2023
"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Hai;

2. Ông Nguyễn Phát Triển;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023, về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn Khánh V, xã Hải Nh, huyện Nghi S, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Chị Lê Thị G, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 200/1, ấp Th, xã Vĩnh Th, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Đ và chị G đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đ và chị G tự tìm hiểu quen biết nhau, không tổ chức đám cưới và chung sống như vợ chồng vào năm 2000, không đăng ký kết hôn. Do sai sót trong giấy xác nhận độc thân nên không thể đăng ký kết hôn được. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2017, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy anh Đ và chị G

quyết định không sống chung từ tháng 02/2020 cho đến nay. Anh Đ nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn được nên anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị G.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Lê Trùng D, sinh ngày 07/10/2005. Hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị G thống nhất với trình bày của anh Đ. Chị G và anh Đ tự tìm hiểu quen biết nhau và chung sống như vợ chồng vào năm 2000, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2017, cuộc sống chung không hòa hợp và phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn lại được nên chị G và anh Đ không sống chung từ tháng 02/2020 cho đến nay. Nay chị G đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Lê Trùng D, sinh ngày 07/10/2005. Hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị G, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chị Lê Thị G có địa chỉ cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị G tự tìm hiểu quen biết nhau và chung sống như vợ chồng vào năm 2000, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Do sai sót trong giấy xác nhận độc thân nên không thể đăng ký kết hôn được và sau này lo làm việc nên chị G và anh Đ không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị G có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng anh Đ và chị G không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tuy nhiên việc chung sống và thời gian chung sống giữa anh Đ và chị G là đúng thực tế và trong thời gian chung sống với nhau thì giữa anh Đ và chị G phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống chung lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Nay anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị G nên căn cứ các Điều 9, 14, 15 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị G.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị G có 01 con chung tên Nguyễn Lê Trùng D, sinh ngày 07/10/2005. Hiện con chung đã trưởng thành nên anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị G thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị G thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14, 15 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị G.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị G có 01 con chung tên Nguyễn Lê Trùng D, sinh ngày 07/10/2005. Hiện con chung đã trưởng thành

nên anh Đ và chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị G thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị G thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí và tạm ứng án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015765 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (Anh Đ đã nộp xong án phí).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/6/2023).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng